



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN – VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 867 /BC - TMC

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO Thường niên năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO
- Tên viết tắt: TMC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003 (Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/2/2023).
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, P. Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208. 3847229
- Website: kimloaimau.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMG
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 130/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành



Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Một số sản phẩm chính của Công ty sản xuất

- Tinh quặng kẽm hàm lượng ~ 50%;
- Tinh quặng chì sunfua hàm lượng ~ 50% ;
- Kẽm thỏi hàm lượng > 99,95% Zn;
- Axit sunfuaric hàm lượng > 96%;
- Bột kẽm 60% Zn;
- Thiếc thỏi;
- Tinh quặng đồng.

2.2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại 02 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, trong đó hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng tập trung tại huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên có huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ. Hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công - thành phố Sông Công - tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

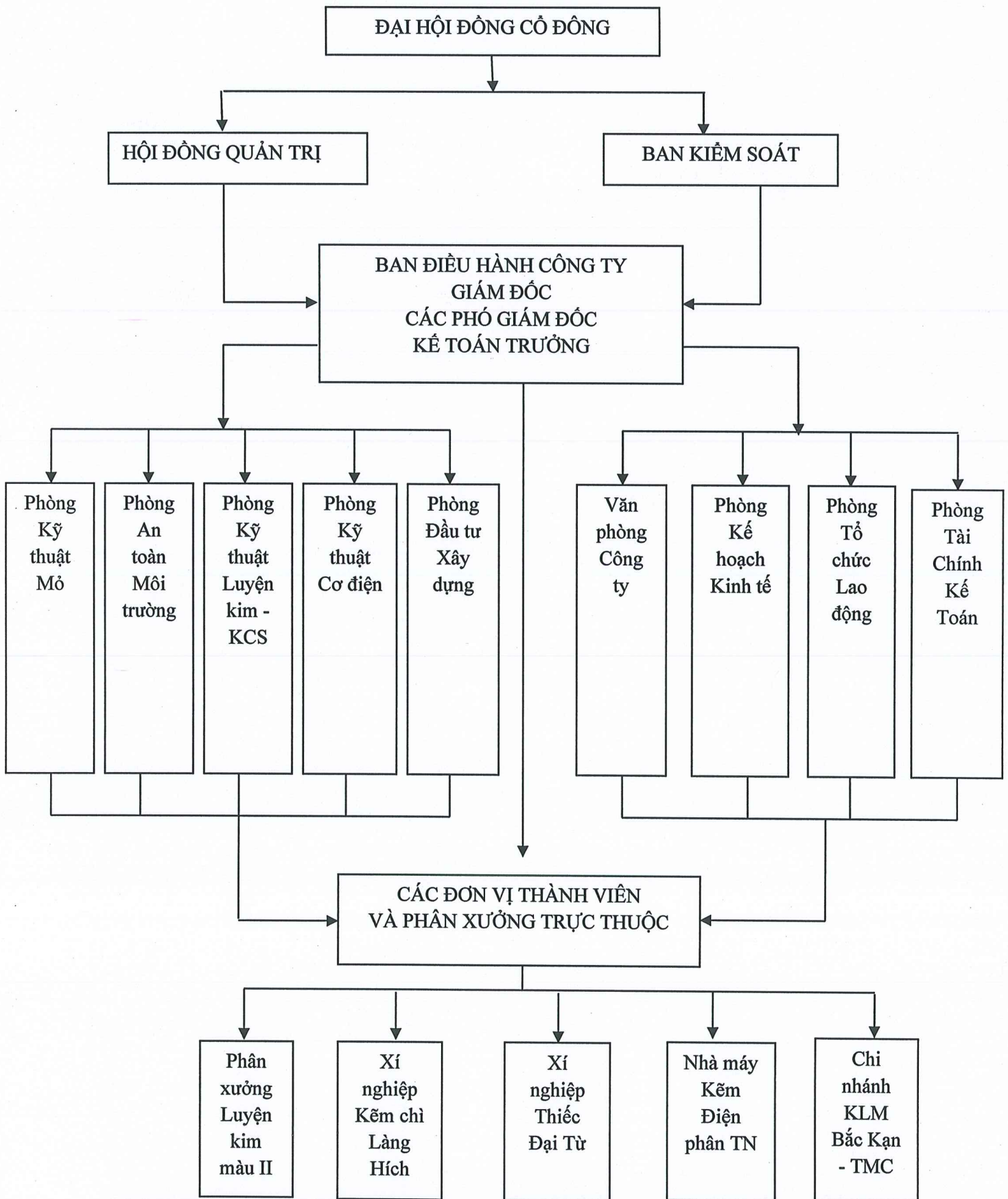
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
- Các phòng chức năng Công ty gồm 09 phòng (sơ đồ trang tiếp theo)



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY





3.2. Tổ chức kinh doanh

Công ty tổ chức sản xuất theo cơ chế khoán quản trị chi phí và theo kế hoạch SXKD Công ty giao hàng tháng/quý đến tất cả các chi nhánh, đơn vị. Tất cả các sản phẩm sản xuất được tiêu thụ tập trung tại Công ty.

3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 04 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

- Giám đốc Công ty: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

- Phó Giám đốc Công ty: Giúp việc cho Giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng Công ty: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty:

+ Văn phòng Công ty: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, văn nghệ thể thao, công tác đoàn thể.

+ Phòng Tổ chức Lao động: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.



+ Phòng Tài chính Kế toán: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình, và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mở: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản, phát triển tài nguyên.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

3.4. Các chi nhánh, Công ty liên doanh

a) Các Chi nhánh

- Phân xưởng Luyện kim màu 2: Phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp thiếc Đại Từ: Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC: Xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

b) Công ty liên doanh: Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp.



4. Định hướng phát triển của Công ty

4.1. Mục tiêu phát triển

- Phát triển công nghệ khai thác chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng thực hiện các quy định về môi trường và an toàn trong sản xuất và lao động.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là sản phẩm kẽm thỏi, thiếc, tinh quặng chì.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẽm thỏi kim loại.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển. Công ty xác định các biện pháp cụ thể:

a) Tập trung phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tập trung khảo sát mở rộng các điểm mỏ do Công ty quản lý, thăm dò khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại các đơn vị trong Công ty. Lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép và đề án thăm dò phần sâu nhằm bổ sung tài nguyên trữ lượng tại các mỏ của Công ty đang quản lý.

b) Tập trung tăng cường áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất đặc biệt là trong khu vực khai thác hầm lò, nâng cao chất lượng, hàm lượng quặng nguyên khai, giảm lao động thủ công, tăng năng suất lao động để nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị tăng lao động công nghệ, giảm lao động phụ trợ và quản lý.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động, cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị.

d) Nâng cao chất lượng sản phẩm kẽm thỏi đạt tiêu chuẩn quốc tế.



5. Các rủi ro

Do là đơn vị đặc thù nên Công ty xác định những vấn đề rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thứ nhất là rủi ro về kinh tế, những sản phẩm chính của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch thị trường quốc tế sử dụng niêm yết theo giá đô la Mỹ (USD) nên biến động về tỷ giá đem lại những bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ hai là rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên khoáng sản, do đây là ngành đặc thù, để có cơ sở đánh giá trữ lượng, chất lượng tài nguyên phải khoan thăm dò do vậy tốn nhiều chi phí, thời gian và điều kiện khai thác của mỏ. Việc đánh giá không chính xác về địa chất, trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của TMC cũng như hiệu quả kinh tế của Công ty.

Thứ ba rủi ro đặc thù khai thác, chế biến, trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động của Công ty.

Thứ tư là rủi ro pháp lý, những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản, cách tính thuế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên... các khoản thu phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác mặt khác việc cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/NQ (%)
<i>I</i>	<i>Sản phẩm SX chủ yếu</i>				
1	Kẽm thô	tấn	11.800	11.800	100
-	Kẽm thô sản xuất	tấn	9.143	9.159	100,2
-	Kẽm thô gia công	tấn	2.657	2.641	99,4
2	Axit sulfuaric	tấn	17.700	17.370	98,1
3	TQ chì sulfua 50%	tấn	4.437	3.474	78,3
4	TQ chì ô xít 20%	tấn	600	605	100,8
5	Thiếc thô	tấn	101	64	63,3
6	Tinh quặng đồng	tấn	941	1.226	130,3



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/NQ (%)
<i>II</i>	<i>Sản phẩm tiêu thụ</i>				
1	Kẽm thô	tấn	11.833	11.799	
-	Kẽm thô sản xuất	tấn	9.176	9.158	99,8
-	Kẽm thô gia công	tấn	2.657	2.641	
2	Axit sulfuric	tấn	15.794	15.026	95,1
3	TQ chì sulfua 50%	tấn	4.437	3.396	76,5
4	TQ chì ô xít 20%Pb	tấn	600	-	-
5	Thiếc thô	tấn	101	62	61,6
6	Tinh quặng đồng	tấn	1.041	993	95,4
<i>III</i>	<i>Các chỉ tiêu chủ yếu</i>				
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	863.700	1.163.000	134,8
2	Nộp ngân sách	tr.đồng	134.940	154.210	114,3
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	33.390	86.546	260,0
4	Tổng quỹ lương	tr.đồng	190.000	205.000	107,9
5	LĐ trong kỳ	người	1.320	1.275	96,6
6	Sửa chữa lớn	tr.đồng	26.300	26.717	101,4
7	Đầu tư xây dựng	tr.đồng	71.250	59.314	82,8

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Trần Văn Long – Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977
- Trình độ đào tạo: Kỹ sư khai thác mỏ; Cử nhân quản trị KD.

- Quá trình công tác: Từ tháng 8/1999 đến tháng 5/2000 là cán bộ kỹ thuật phòng kỹ thuật, xí nghiệp than Bình Minh, công ty than Quảng Ninh; từ tháng 6/2000 đến tháng 3/2007 là chuyên viên phòng thiết kế mỏ Viện khoa học và công nghệ mỏ - Luyện kim; từ tháng 4/2007 đến tháng 11/2010 là chuyên viên, Phó trưởng phòng kỹ thuật mỏ địa chất, TCT Khoáng sản - Vinacomin; từ tháng 12/2010 đến tháng 10/2012 là ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3; từ tháng 11/2012 đến tháng 7/2014, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội; từ tháng 8/2014 đến tháng 10/2015 giữ chức vụ Phó Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ địa chất, TCT Khoáng sản - TKV, ủy viên HĐQT CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh, ủy viên HĐQT CTCP Vàng và đá quý Hà Nội; từ tháng 11/2015 đến tháng 5/2016 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất TCT Khoáng sản - TKV; Từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2017 giữ chức vụ Giám đốc CTCP Kim loại màu Tuyên Quang; từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2019 giữ chức vụ Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; từ tháng 5/2019 đến nay giữ chức vụ



Giám đốc Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; Từ tháng 6/2020 đến nay giữ chức vụ thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.2. Ông Bùi Huy Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1975

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư luyện kim

- Quá trình công tác: Từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2006 là cán bộ kỹ thuật tại Phòng kỹ thuật luyện kim Công ty KLM Thái Nguyên. Tháng 5/2006 đến tháng 7/2008 là Trưởng phòng kỹ thuật tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Tháng 8/2008 đến tháng 11/2010 là Phó Trưởng phòng Kỹ thuật luyện kim của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên. Tháng 12/2010 đến tháng 02/2013 là cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng kỹ thuật luyện kim của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tháng 3/2013 đến tháng 11/2013 là Phó Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai. Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.3. Ông Nguyễn Văn Hậu – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977

- Trình độ đào tạo: Tiến sỹ khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Tháng 9/1999 - 11/2001, cán bộ phòng Kỹ thuật công nghệ thuộc Công ty than Mông Dương. Tháng 11/2000 -11/2002, là Nghiên cứu viên phòng Xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 9/2005 - 8/2008, Học viên cao học Khai thác Mỏ tại Trường ĐH Mỏ Địa chất Hà Nội. Tháng 10/2008 -11/2011, Phó phòng Nghiên cứu Công nghệ khai thác hầm lò thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 11/2008 -10/2011 là Nghiên cứu sinh khai thác mỏ tại trường Đại học Kỹ thuật Liêu Ninh - Trung Quốc. Tháng 12/2011- 7/2019, Trưởng phòng Đào tạo và Phát triển các dự án thực nghiệm Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Tháng 7/2019 - 8/2019, Trưởng phòng Nghiên cứu xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ mỏ. Tháng 9/2019, Phó Giám đốc Công ty Kim loại màu Thái Nguyên.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.4. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kế toán trưởng Công ty

- Năm sinh: 1976

- Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp



- Quá trình công tác: Tháng 7/2000 - 12/2002 là nhân viên Kế toán Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 01/2003 - 4/2009 là Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 5/2009 - 2/2010 là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 3/2010 - 12/2010 lao động tự do; Tháng 4/2011 - 12/2012 là Phó phòng Kế hoạch Kinh tế Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico; Tháng 01/2013 – 8/2024 là Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico; Tháng 9/2024-đến nay là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động: 1.275 người;

+ Lao động nam: 995 người;

+ Lao động nữ: 280 người.

- Loại hợp đồng lao động

+ HĐLĐ không xác định thời hạn: 1.014 người;

+ HĐLĐ từ 12 đến 36 tháng: 258 người;

+ HĐLĐ vụ việc: 3 người.

- Trình độ lao động:

+ Trên đại học: 12 người;

+ Đại học: 294 người;

+ Cao đẳng: 25 người;

+ Trung học: 273 người;

+ Công nhân kỹ thuật: 671 người;

(Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Kết quả thực hiện ĐTXD năm 2024 có giá trị khối lượng hoàn thành: 45.386 trđ/KH 71.250 trđ (đạt 64% giá trị kế hoạch 2024 ĐHCĐ Công ty thông qua).

Trong năm, Công ty đã tập trung triển khai thực hiện hoàn thành công tác đào lò XDCB Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít, xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; triển khai các dự án đầu tư duy trì sản xuất tại các đơn vị: Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn, Xí nghiệp Kẽm



Chì Làng Hích. Đặc biệt, trong năm Công ty tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư: Cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư hệ thống quan trắc nước thải tự động tại xưởng tuyển kẽm chì Chợ Điền; Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1 158 378 432 592	966 714 639 956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1 158 378 432 592	966 714 639 956
4. Giá vốn hàng bán	11	1 004 841 554 328	846 253 288 281
5. LN gộp về bán hàng và CCDV	20	153 536 878 264	120 461 351 675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	515 794 628	1 535 824 043
7. Chi phí tài chính	22	2 579 871 466	3 556 168 375
- Trong đó chi phí lãi vay	23	2 299 179 356	3 458 275 643
8. Chi phí bán hàng	25	2 497 176 321	2 094 848 051
9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	26	61 808 599 777	64 514 567 908
10. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30	87 167 025 328	51 831 591 384
11. Thu nhập khác	31	5 008 933 273	816 099 019
12. Chi phí khác	32	5 629 411 203	1 202 765 076
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	- 620 477 930	- 386 666 057
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	86 546 547 398	51 444 925 327
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17 596 845 754	13 167 935 349
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	68 949 701 644	38 276 989 978
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*	70	3.771,19	1.846,23
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	0	0



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024	Thời điểm 31/12/2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS NH/Nợ NH)	0,82	1,22	
+ Hệ số thanh toán nhanh (= tài sản NH-Hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)	0,49	0,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/tổng tài sản	0,54	0,5	
+ Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	1,19	0,92	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (= giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	10,82	15,8	
+ Vòng quay tổng tài sản (= doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	2,18	18,8	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	0,05	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,26	0,20	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,11	0,08	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động SXKD/doanh thu thuần	0,075	0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty được chia thành 18.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

- + Tổng công ty Khoáng sản - TKV : 9.180.000 cổ phần;
- + Công ty cổ phần Lương Gia : 3.148.900 cổ phần.
- + Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Vũ Hoàng : 1.933.900 cổ phần;
- + Bà Hoàng Thị Soi : 1.098.200 cổ phần;
- + Ông Nguyễn Hoàng Cường : 1.965.600 cổ phần.

- Tính đến thời điểm ngày 19/3/2025, cổ đông của Công ty có 213 cổ đông trong đó:



+ 03 cổ đông là pháp nhân
+ 210 cổ đông là cá nhân (gồm 206 cổ đông là cá nhân trong nước và 04 cổ đông là cá nhân nước ngoài).

- Cổ đông Nhà nước nắm giữ: 51% vốn điều lệ

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản để tạo ra các nguyên liệu cơ bản (kẽm, chì...) cho các ngành sản xuất khác, quy trình sản xuất là khai thác quặng từ lòng đất để chế biến thành kim loại nên không xác định được lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm cũng như tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng cho sản xuất chính: 67.005.732 Kwh.

Trong đó

+ Điện năng phục vụ khai thác: 4.231.208 Kwh

+ Điện năng phục vụ tuyển khoáng: 8.776.090 Kwh

+ Điện năng phục vụ luyện kim: 53.894.976 Kwh

+ Điện năng phục vụ sinh hoạt: 603.458 Kwh

b) Dầu Diezen

+ Nhà máy Kẽm ĐPTN: 24.357 Lit

+ Xí nghiệp Kẽm chì Làng Hích: 116.821 Lit

+ Chi nhánh KLM Bắc Kạn: 276.763 Lit

+ PX Luyện kim màu II: 19.175 Lit

+ Xí nghiệp Thiếc Đại Từ: 41.330 Lit



6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

* Nước sinh hoạt:

- Phân xưởng Luyện kim màu I:	30 m ³ /năm
- Phân xưởng Luyện kim màu II:	2.350 m ³ /năm
- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên:	10.011 m ³ /năm
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích:	2.684 m ³ /năm
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn:	11.683 m ³ /năm
- Xí nghiệp thiếc Đại Từ:	3000 m ³ /năm

b) Nước dùng cho sản xuất

- Phân xưởng Luyện kim màu I:	không sử dụng
- Phân xưởng Luyện kim màu II:	không sử dụng trong sản xuất
- Nhà máy kẽm điện phân:	91.240 m ³ /năm
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích:	36.366 m ³ /năm
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn:	197.067 m ³ /năm

c) Nguồn cung cấp:

- Nước sinh hoạt: Đối với NM Kẽm điện phân và PX Luyện kim màu II sử dụng nguồn nước máy của Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Đối với các đơn vị khai thác mỏ nước sinh hoạt lấy từ nguồn từ giếng khơi, giếng khoan, dẫn nước khe hoặc nguồn về.

- Nước phục vụ sản xuất: Nước tái sử dụng, nước dưới đất, nước mặt;

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- NM kẽm điện phân Thái Nguyên: Thuê xử lý 100%;
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: Tự xử lý 100%;
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Tự xử lý 100%;
- Xí nghiệp thiếc Đại Từ: Tự xử lý 100%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã xác định trọng tâm là công tác an toàn, môi trường và triển khai nhiều biện pháp cụ thể (tuyên truyền, kiểm tra, giám sát...).

Thường xuyên kiểm tra, phúc tra công tác ATLĐ môi trường tại các đơn vị trong công ty để kiểm soát các nguy cơ rủi ro.



6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động (tính đến thời điểm 31/12/2024): 1.275 người;
- Lao động sử dụng bình quân năm 2024: 1.271 người;
- Mức lương trung bình: 14,08 triệu đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ chính sách theo quy định của Nhà nước cho người lao động, Công ty còn có quy chế thăm hỏi động viên đối với CBCNV. Các chế độ bồi dưỡng cho người lao động được thực hiện đầy đủ như: chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới ATVSV, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV theo niên hạn.

Giải quyết kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động được đi tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng phục hồi chức năng. Tặng quà cho người lao động trong những dịp lễ, tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp ngày tết thiếu nhi và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Công ty chấp hành theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty đã cử 52 lượt cán bộ nhân viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản TKV và cơ quan quản lý NN trên địa bàn liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật những quy định của pháp luật để áp dụng trong việc điều hành giải quyết công việc. Cử cán bộ tham gia đào tạo các lớp Trung cấp, cao cấp lý luận chính trị để đáp ứng được chức danh công việc. Tổng giá trị đào tạo trong năm đạt gần 729,009 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2024, Công ty thực hiện tốt và đóng góp trong công tác an sinh xã hội tại 2 địa phương Thái Nguyên và Bắc Kạn với tổng số tiền 3,430 tỷ đồng. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn nơi các đơn vị của Công ty đặt trụ sở hoạt động...



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(chi tiết tại mục 1 phần II của báo cáo này).

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm Ban Giám đốc đã triển khai toàn diện các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành về quản lý các lĩnh vực kế hoạch, cơ điện, đầu tư, quản lý vật tư, tài chính...Đánh giá về các mặt chủ yếu trong năm 2024 như sau:

- Công tác chỉ đạo sản xuất: Công tác điều hành chỉ đạo sản xuất đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐHCĐ đề ra, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất tại Công ty.

- Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

+ Công tác Khai thác mỏ: Luôn được chú trọng, tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác khoan nổ mìn, làm giảm hệ số làm nghèo quặng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.....

+ Công tác Tuyển khoáng: Tích cực thực hiện các giải pháp hợp lý hóa thiết bị công nghệ tuyển nhằm xác định rõ độ mịn nghiền phù hợp, tối ưu cho quặng chì kẽm vào tuyển.

+ Công tác Luyện kim: Tập trung thực hiện triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dung dịch điện phân, giảm hàm lượng kẽm trong bã thải nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Công tác Cơ điện: Bám sát theo kế hoạch và định ngạch sửa chữa, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Các thiết bị sau khi sửa chữa hoạt động ổn định.

- Công tác phát triển tài nguyên

+ Trong năm 2024 Công ty tiếp tục triển khai 03 đề án nâng cấp trữ lượng nộ về Bộ TNMT để phê duyệt theo quy định.

+ Công tác khoan phục vụ khai thác, phát huy tối đa năng lực thiết bị, con người làm rõ được tài nguyên để huy động vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

- Công tác kinh doanh vật tư: Đối với công tác quản lý vật tư đảm bảo tỷ lệ tồn kho (<6%) nhằm giảm chi phí tài chính, chi phí bảo quản... duy trì công tác mua sắm thông qua chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp của Nhà sản xuất, các đại lý cấp I. Công ty đã xây dựng quy trình mua bán vật tư áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.



- Công tác tổ chức lao động: Tiếp tục tập trung sắp xếp đổi mới cơ cấu lao động theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Thực hiện tốt chế độ quyền lợi cho người lao động. Hoàn thiện phương án trả lương và có cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động như: Thực hiện phương án chi trả tiền lương gắn với hiệu quả công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả.

- Công tác quản trị: Quản lý chi phí tại các đơn vị chặt chẽ, hàng tháng tổ chức kiểm tra nghiệm thu đánh giá kịp thời; Chất lượng vật tư được đảm bảo, cung ứng vật tư kịp thời và có dự phòng cho sản xuất .

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty năm 2024 vẫn duy trì ổn định. Công ty được các Ngân hàng xếp loại tín nhiệm tài chính ở mức cao. Công tác lập và công khai BCTC bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, chất lượng hồ sơ thanh quyết toán được nâng cao.

Tổng tài sản và nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Đối với các khoản công nợ ngắn hạn, Công ty có kế hoạch huy động vốn để thanh toán đúng thời hạn. Trong năm không phát sinh công nợ phải trả quá hạn. Công ty được các tổ chức tài chính đánh giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp ở mức cao.

3. Kế hoạch phát triển năm 2025

Năm 2025 dự báo nền kinh tế thế giới vẫn gặp rất nhiều khó khăn, với sự đoàn kết quyết tâm, Công ty đặt mục tiêu kế hoạch với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng doanh thu: 1.190 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách: Theo quy định NN;
- Lợi nhuận trước thuế: Dự kiến đạt 63,572 tỷ đồng;
- Sửa chữa lớn: 38,790 tỷ đồng;
- Tổng Quỹ tiền lương: 228,0 tỷ đồng;
- Lao động kế hoạch: 1.321 người.
- Giá trị ĐTXDCB: 78, 6 tỷ đồng

*** Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ chủ yếu**

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Kẽm thỏi	tấn	11.800	
	- Kẽm thỏi tự sản xuất	tấn	8.500	8.500
	- Kẽm thỏi gia công	tấn	3.300	3.300
2	Axit sunfuric	tấn	19.000	17.649



TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	tấn	3.549	3.549
4	Tinh quặng chì oxit 20%	tấn	2.500	3.105
5	Thiếc thời	tấn	73	75
6	Tinh quặng đồng	tấn	825	1.225
7	Tinh quặng bạc	tấn	370	300

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra, phúc tra công tác ATLĐ môi trường tại các đơn vị trong công ty để kiểm soát các nguy cơ rủi ro. Thực hành tiết kiệm điện, nước, năng lượng.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty thực hiện và chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm Công ty đã cơ bản hoàn thành một số chỉ tiêu ĐHCĐ đã đề ra đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Các thành viên trong Ban Giám đốc công ty đều có trình độ, năng lực và phẩm chất được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành.



- Ban Giám đốc đã điều hành triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Doanh nghiệp, quy định của Pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung trong công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao nhất, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, lập đề án thăm dò khu mỏ Đầm Vạn, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt cấp phép thăm dò khoáng sản; Lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Chợ Điền

- Đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án đầu tư và làm tốt công tác bảo vệ ranh giới mỏ.

- Hoàn thiện chuyển đổi công nghệ thủy luyện toàn phần tại Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên;

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty ổn định công nghệ tại các đơn vị sản xuất, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất để huy động tối đa thiết bị hoạt động.

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhất là trong khai thác hầm lò; Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành, quản trị nội bộ, trong hạch toán và lập báo cáo, dự toán sản xuất.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty trên cơ sở cập nhật những văn bản, quy định mới của NN để áp dụng tại Công ty.

- Tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số để phù hợp với thực tế sản xuất của đơn vị.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1980

- Trình độ: Thạc sỹ tuyển khoáng

- Quá trình công tác: Làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 giữ chức vụ Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Mỏ



tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Từ ngày 05/11/2019 đến nay giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản; Ngày 27/4/2023 giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng từ ngày 26/4/2022.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 3.780.000 cổ phần.

1.2 Ông Trần Văn Long – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Nêu tại 2.1.1 mục Danh sách Ban điều hành (Trang 8- Báo cáo)

1.3. Ông Trần Minh Tuấn - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973

- Trình độ: Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kế toán-kiểm toán.

- Quá trình công tác: Ông Trần Minh Tuấn đảm nhiệm qua các vị trí: Trợ lý kiểm toán viên, kiểm toán viên tại công ty kiểm toán VACO (từ 3/2001-6/2007); Chuyên viên văn phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng đầu tư DV tài chính và NCPT; Trưởng phòng KHTH; Trưởng phòng QLRR kiêm thành viên HĐQT tại Công ty tài chính Than- Khoáng sản Việt Nam (từ 7/2007-4/2014); Phó Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng QLV, thanh tra - kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV (từ tháng 5/2014 đến nay); Từ tháng 11/2018 giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.4. Ông Phạm Thế Vinh – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1964

- Trình độ: Cơ khí

- Quá trình công tác: Ông Phạm Thế Vinh đã đảm nhiệm các chức vụ: Công nhân cơ khí nhà máy cơ khí 19/3 Hà Nội, Công nhân lao động tại Tiệp Khắc, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Lương Gia (từ năm 2012 đến nay); Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ tháng 7/2014 đến nay).

- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Lương Gia: 3.148.900 cổ phần

2.1.5. Ông Phạm Vũ Hải – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1995

- Trình độ: Cử nhân ngành tài chính, ngân hàng.



- Quá trình công tác: Từ 2013-2020 học và làm việc tại Hà Nội. Từ 2020 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Lương Gia. Ngày 26/4/2023 là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên HĐQT phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra những Quyết định, Nghị quyết theo từng lĩnh vực được phân công.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2024, HĐQT tổ chức 14 kỳ họp bằng hình thức thảo luận trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức 01 kỳ ĐHCĐ thường niên vào ngày 23/5/2024. Tại các phiên họp của HĐQT, các thành viên đều tham gia và trao đổi thẳng thắn cùng nhau bàn bạc để đưa ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật.

Chỉ đạo và triển khai có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác cán bộ, kế hoạch sản xuất, quản trị chi phí, kinh doanh, đầu tư xây dựng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Ngoài các phiên họp các thành viên hội đồng quản trị còn thường xuyên có các cuộc trao đổi điện thoại, mail với Giám đốc công ty để triển khai các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không

e) Trong năm các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bắt đầu/ là TV BKS
1	Nguyễn Đình Chiến	1985	Trưởng Ban	Cử nhân kinh tế	01/7/2014
2	Lê Văn Lương	1972	Thành viên	Kỹ sư QTKD	27/4/2021



TT	Thành viên BKS	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bắt đầu/ là TV BKS
3	Ngô Thị Nhâm	1978	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016
4	Đào Thị Khuê	1966	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016
5	Vũ Thị Thanh Hảo	1983	Thành viên	Kỹ sư KT mở	26/4/2023

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm đã tổ chức 06 cuộc họp triển khai nhiệm vụ quyền hạn:

- Giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 đã đề ra.

- Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành, các cán bộ quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và phát biểu các ý kiến đóng góp cho các cuộc họp tham dự.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có thành viên BKS tham gia đảm bảo theo quy định. Trong quá trình tham gia kiểm tra, giám sát BKS đã đóng góp ý kiến cho Bộ máy điều hành của Công ty nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Các thành viên HĐQT và BKS của công ty hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do vậy Công ty áp dụng chế độ thù lao công việc. Lương của Ban điều hành Công ty áp dụng theo đúng quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương và các chế độ khác theo chính sách chung của Công ty cụ thể năm 2024 như sau:



TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT	199.250.004	
2	Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	163.850.000	
3	Phạm Thế Vinh	Thành viên HĐQT	189.050.000	
4	Phạm Vũ Hải	Thành viên HĐQT	161.450.004	
5	Nguyễn Đình Chiến	TB kiểm soát	164.450.112	
6	Đào Thị Khuê	TV BKS	137.000.004	
7	Lê Văn Lương	TV BKS	137.000.004	
8	Ngô Thị Nhâm	TV BKS	137.000.004	
9	Vũ Thị Thanh Hào	TV BKS	137.000.004	
10	Trần Văn Long	TV HĐQT, Giám đốc	802.386.640	
11	Nguyễn Văn Hậu	Phó Giám đốc	556.692.208	
12	Bùi Huy Tuấn	Phó Giám đốc	550.605.633	
13	Lại Trí Cường	Kế toán trưởng	261.837.244	Từ T1 -7/2024
14	Nguyễn T. Xuân Hường	Kế toán trưởng	180.038.580	Từ T9/2024-nay

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Thu Hà	Vợ của Ông Phạm Thế Vinh – Thành viên HĐQT	0	0%	164.400 cổ phiếu	0,913%	Mua 164.400 cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Công ty vẫn chưa ban hành được Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, do Đại hội đồng cổ đông chưa thông qua.



VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam soát xét số 122/2025/BCKTHN-CPD VIETNAM-NV1 ngày 24/3/2025 và được đăng tải đầy đủ chi tiết tại địa chỉ website: www.kimloaimau.com.vn.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, VSDC (đề: B/c);
- HĐQT, Ban kiểm soát (đề: B/c);
- Website công ty;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Long

